

Bản án số: 102/2020/DS-ST
Ngày 14 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn R; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lý Nguyệt N; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị S thể hiện:**

Ông Nguyễn Tấn R và bà Lý Nguyệt N tham gia các dây hụi do bà Lê Thị S mở như sau:

Tham gia 01 phần của dây hụi mở ngày 26/02/2016 âm lịch, gồm 31 phần, loại 500.000 đồng/tháng, ông R, bà N hốt phần hụi này ở lần thứ 03. Sau đó, ông R, bà N đóng hụi được 27 kỳ thì đến ngày 22/02/2018 âm lịch bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay. Tính đến lúc mãn thì dây hụi còn 04 lần, trừ 01 kỳ của ông R, bà N thì còn nợ lại 03 kỳ x 500.000 đồng = 1.500.000 đồng.

Tham gia 03 phần của dây hui mở ngày 15/4/2017 âm lịch, gồm 38 phần, loại 500.000 đồng/tháng, ông R, bà N hót 01 phần kỳ ở kỳ thứ 02, 01 phần ở kỳ thứ 06 và phần còn lại hót ở kỳ thứ 09. Sau khi hót hui ông R, bà N bỏ địa phương đi từ ngày 22/02/2018 âm lịch cho đến nay. Tính đến lúc mãn thì dây hui còn 29 lần, trừ 01 kỳ của ông R, bà N thì còn nợ lại 28 kỳ x 500.000 đồng x 03 phần = 42.000.000 đồng.

Tham gia 01 phần của dây hui mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 28 phần, loại 1.000.000 đồng/tháng, ông R, bà N hót phần hui này ở lần thứ 05. Sau khi hót hui ông R, bà N bỏ địa phương đi từ ngày 22/02/2018 âm lịch cho đến nay. Tính đến lúc mãn thì dây hui còn 23 lần, trừ 01 kỳ của ông R, bà N thì còn nợ lại 22 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 phần = 22.000.000 đồng.

Các dây hui đã mãn và tổng số tiền còn thiếu là 65.500.000 đồng nên bà S yêu cầu ông R, bà N trả lại số tiền nêu trên.

** Đối với ông Nguyễn Tấn R và bà Lý Nguyệt N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự này không có ý kiến và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Tấn R và bà Lý Nguyệt N không còn cư trú theo địa chỉ mà bà Lý Thị S cung cấp nên Cán bộ Văn phòng Thừa phát lại tỉnh Cà Mau không trực tiếp tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc ông R, bà N thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho bà S biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Bà Lê Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông R và bà N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[3] Theo đơn khởi kiện của bà S phù hợp với các danh sách hui và xác nhận của bà Ngô Thị Tuyết, bà Võ Thị Sánh, ông Diệp Thanh Nhân, ông Đặng Văn Nước, bà Nguyễn Ngọc Pha, ông Phạm Hữu Phát, bà Lê Thị Mỹ Hiền, ông Lê Văn Bình, bà Trần Thị Thảo là những người cùng ông R, bà N tham gia các dây hui của bà S và ông R, bà N đã bỏ đi khỏi địa phương từ ngày 22/02/2018 âm lịch cho đến nay và hiện các dây hui này đều đã mãn. Đối chiếu thời gian ông R, bà N bỏ địa phương đến thời điểm các dây hui mãn thì ông R, bà N còn thiếu tổng số tiền 65.500.000 đồng như đơn khởi kiện của bà S. Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông R, bà N không có ý kiến phản đối nên đây là những

tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định, ông R, bà N còn thiếu bà S số tiền hội 65.500.000 đồng là thực tế có xảy ra nên bà S yêu cầu trả lại là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông R, bà N phải chịu là: 3.275.000 đồng (65.500.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S. Buộc ông Nguyễn Tấn R và bà Lý Nguyệt N trả cho bà S số tiền hội là 65.500.000 đồng (sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà S cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông R, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông R, bà N phải chịu 3.275.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Bà S không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà S số tiền đã nộp tạm ứng 819.000 đồng (tám trăm mười chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010795 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn